

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Bản án số: 95/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 12 - 2025
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Sơn;
- Ông Trần Minh Quang.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Cần Thơ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Trương Bảo Trân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 339/2025/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2025/QĐXXST-HN, ngày 20 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Võ Thị N**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp A, xã T, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: **Nguyễn Văn U**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp A, xã T, thành phố Cần Thơ.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Võ Thị N (Sau đây gọi chị N) trình bày:

Giữa chị và bị đơn Nguyễn Văn U (Sau đây gọi anh U) qua tìm hiểu nhau mà tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, nhất là áp lực về kinh tế, từ đó vợ chồng không có tiếng nói chung nên hay cãi vã nhau, chồng chị lại không lo gì được cho gia đình, con cái.

Ngoài ra, chồng chị còn bạo hành đánh đập chị, đã hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh U.

-Về con chung: Có hai người con chung tên Nguyễn Tấn T (Nam), sinh ngày 21 tháng 6 năm 2010 và cháu Nguyễn Tấn L (Nam), sinh ngày 22 tháng 02 năm 2012. Từ khi ly thân thì con chung sống với chị N. Nay ly hôn chị yêu cầu nuôi con chung, chưa yêu cầu cấp dưỡng.

Về nợ và tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn Nguyễn Văn U có lời trình bày:

Thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ, con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì do làm ăn khó khăn nên cũng không có tiền để lo đầy đủ cho vợ con từ đó phát sinh mâu thuẫn nên vợ anh về quê cha mẹ vợ sống từ năm 2019 nhưng vợ chồng vẫn tới lui chung sống như vợ chồng, vợ chồng chính thức ly thân khoảng 3 tháng. Anh Út thừa nhận là có đánh vợ nhưng là vợ chồng đánh nhau chứ không phải anh bạo hành như vợ anh trình bày.

Do còn thương vợ con nên anh chưa đồng ý ly hôn mà xin đoàn tụ để nuôi dạy các con ăn học. Giả sử phải ly hôn thì anh đồng ý để vợ anh nuôi hai con chung, anh chưa cấp dưỡng. Tài sản và nợ chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa anh Út đưa ra giải pháp là qua năm sau sẽ đi Hàn Quốc xuất khẩu lao động kiếm tiền để cải thiện đời sống vợ con.

Tại phiên tòa, chị Nhẫn không đồng ý các giải pháp do anh út đưa ra vì đã cho cơ hội 5-6 năm nay nhưng anh Út không thay đổi được gì nên chị không thể đoàn tụ và quyết định xin ly hôn.

Các cháu Nguyễn Tấn T và Nguyễn Tấn L trình bày: Khi cha mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được sống với mẹ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn; giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng, bị đơn chưa phải cấp dưỡng. Về nợ và tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp ly hôn, nuôi con được qui định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Cần Thơ.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh U qua tìm hiểu nhau, tự tiến tới đời sống hôn nhân năm 2009, có đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 5 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh H cũ (Nay là xã T, thành phố Cần Thơ) nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N: Chị và anh U trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống mà không có giải pháp khắc phục để hoà giải hàn gắn tình cảm mà chọn cách sống ly thân. Trong quá trình giải quyết, Tòa án tạo điều kiện hòa giải để anh chị được đoàn tụ, anh U chưa đồng ý ly hôn, có đưa ra giải pháp đoàn tụ nhưng không được chị N đồng ý. Trong khi đó, tại phiên tòa chị N xác định là đã nhiều lần tạo cơ hội nhưng anh U vẫn không sửa đổi được nên chị không đồng ý đoàn tụ và vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Từ đó thấy rằng hôn nhân giữa hai người đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[4] Về con chung: Có hai người con chung, anh chị không tranh chấp về quyền nuôi con, con chung hiện đang sống với chị N, chị N cũng có yêu cầu nuôi con. Xét cả hai người con chung đều có nguyện vọng được sống với chị N. Nhằm tránh gây xáo trộn đời sống của các cháu, cần giao con chung cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị N, anh U có yêu cầu khác.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị N chưa có yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh U mà không ai có quyền cản trở.

[6] Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Luật Tổ tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Võ Thị N và Nguyễn Văn U.
2. Về nuôi con chung: Giao các cháu Nguyễn Tấn T (Nam), sinh ngày 21 tháng 6 năm 2010 và cháu Nguyễn Tấn L (Nam), sinh ngày 22 tháng 02 năm 2012 cho Võ Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị N, anh U có yêu cầu khác.

Nguyễn Văn U chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh U mà không ai có quyền cản trở.

3. Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Võ Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006357, ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí, không phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 13;
- UBND xã T,
thành phố Cần Thơ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Liêm